

Số: /2023/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2023

Dự thảo 2

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang
bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT ngày 12/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày..... tháng năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có hành lang bảo vệ bờ biển và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TNMT;
- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- TT.Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; các Phòng;
- Lưu: VT, KT.

QUY ĐỊNH

Về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày / /năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nội dung, trách nhiệm trong quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển phải bảo đảm công khai, minh bạch, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan; bảo đảm quyền tiếp cận của người dân với biển.

2. Khi lập mới hoặc điều chỉnh các quy hoạch và thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án phải thống nhất với bản đồ ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển, đảm bảo không vi phạm các hoạt động bị nghiêm cấm, các hoạt động bị hạn chế theo Quy định này.

**Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Hành lang bảo vệ bờ biển

1. Hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Sóc Trăng là dải đất ven biển được thiết lập tại 08 khu vực theo Quyết định số 2591/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Sóc Trăng được quy định tại Quyết định số 2592/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

3. Hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển gồm:

a) Báo cáo tổng hợp Dự án “Thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Sóc Trăng”.

b) Bản đồ Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/10.000.

c) Bản đồ Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển theo vị trí các mốc giới đã được cắm trên thực địa tỷ lệ 1/10.000.

d) Bản đồ hiệu chỉnh ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển theo vị trí các mốc giới đã được cắm trên thực địa tỷ lệ 1/2.000.

Điều 5. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển

1. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Sóc Trăng được cắm dọc theo ranh giới trong của hành lang bảo vệ bờ biển; ở các vị trí thuận lợi, ổn định, được mô tả rõ khoảng cách, phương vị từ vị trí này đến vị trí ranh giới trong đã được thiết kế trên bản đồ theo quy định.

2. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Sóc Trăng bao gồm phần đế mốc và thân mốc; mặt mốc được gắn tim sứ, có khắc chìm số hiệu mốc là viết tắt tên địa danh hành chính gồm tỉnh, cấp huyện, cấp xã và số thứ tự của mốc giới đảm bảo không có số mốc trùng nhau; thân mốc khắc chìm dòng ghi chú “MỐC GIỚI HLBVBB”.

3. Hồ sơ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh Sóc Trăng gồm:

a) Báo cáo tổng kết Dự án “Cắm mốc hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng”.

b) Sơ đồ vị trí mốc hành lang bảo vệ bờ biển.

c) Bảng thống kê vị trí mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển.

d) Bản đồ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển.

e) Biên bản bàn giao 180 mốc hành lang bảo vệ bờ biển.

Điều 6. Các hoạt động bị nghiêm cấm trong hành lang bảo vệ bờ biển

1. Khai thác khoáng sản, trừ trường hợp đặc biệt được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

2. Xây dựng mới, mở rộng công trình xây dựng, trừ công trình phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, sạt lở bờ biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa và các công trình xây dựng khác phục vụ lợi ích quốc gia, công cộng được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển quyết định chủ trương đầu tư.

3. Xây dựng mới nghĩa trang, bãi chôn lấp chất thải.

4. Khoan, đào, đắp trong hành lang bảo vệ bờ biển, trừ hoạt động quy định tại Điều 25 của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

5. Lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ bờ biển.

6. Hoạt động làm sạt lở bờ biển, suy thoái hệ sinh thái vùng bờ, suy giảm giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên.

Điều 7. Các hoạt động hạn chế trong hành lang bảo vệ bờ biển

1. Trong hành lang bảo vệ bờ biển, hạn chế các hoạt động sau đây:

a) Khai thác nước dưới đất;

b) Khai hoang, lấn biển;

c) Cải tạo công trình đã xây dựng;

d) Thăm dò khoáng sản, dầu khí;

e) Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ làm suy thoái hệ sinh thái vùng bờ, suy giảm giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên.

2. Việc khai thác nước dưới đất chỉ được tiến hành trong trường hợp khẩn cấp phục vụ phòng chống thiên tai, hỏa hoạn, khắc phục sự cố môi trường hoặc khai thác nước dưới đất phục vụ các mục đích khác khi không có nguồn nước nào khác để khai thác.

3. Việc khai hoang, lấn biển, thăm dò khoáng sản, dầu khí chỉ được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

4. Việc cải tạo công trình đã xây dựng chỉ được thực hiện nếu không làm thay đổi Mục đích sử dụng, quy mô, kết cấu, độ sâu, chiều cao của công trình đã xây dựng hoặc việc cải tạo công trình đã xây dựng có tác động tốt hơn đối với việc duy trì, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển.

5. Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ làm suy thoái hệ sinh thái vùng bờ, suy giảm giá trị dịch vụ của hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên chỉ được tiến hành khi đã có giải pháp bảo đảm không làm ảnh hưởng đến yêu cầu, Mục tiêu của việc thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển.

6. Ngoài các Điều kiện hạn chế quy định nêu trên, các hoạt động quy định tại các Khoản từ Khoản 1 đến Khoản 4 Điều này chỉ được phép thực hiện sau khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 8. Quản lý mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển

1. Nghiêm cấm các hành vi dịch chuyển vị trí mốc giới trái phép, hành vi phá hoại, làm hư hỏng mốc giới.

2. Mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển phải được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất hàng năm và có phương án khôi phục mốc giới khi bị hư hỏng, bảo đảm đúng quy cách mốc giới và vị trí mốc giới theo hồ sơ được lưu giữ.

Điều 9. Phôi hợp quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển

1. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ bờ biển, tiếp giáp với hành lang bảo vệ bờ biển; cơ quan Nhà nước quản lý chuyên ngành và UBND cấp huyện, UBND cấp xã có hành lang bảo vệ bờ biển phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nội dung có liên quan trong cấm mốc, khôi phục mốc, điều chỉnh, hiệu chỉnh, bảo vệ, khai thác sử dụng hành lang bảo vệ bờ biển.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kịp thời các thay đổi của hành lang bảo vệ bờ biển (nếu có) để các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và UBND cấp huyện có hành lang bảo vệ bờ biển tổ chức cập nhật các thay đổi vào quy hoạch, kế hoạch.

3. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch, kế hoạch (hoặc điều chỉnh) phải rà soát ranh giới, phạm vi; đối chiếu các đối tượng quy hoạch với các hoạt động bị nghiêm cấm, các hoạt động bị hạn chế, các nội dung liên quan tại Quy định này, lấy ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi trình thẩm định, phê duyệt.

Chương III **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC,** **HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN**

Điều 10. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

b) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển;

c) Hàng năm, tổ chức rà soát, kiểm tra hiện trạng mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển và tổ chức khôi phục các mốc bị hư hỏng. Kiểm tra, thanh tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn theo quy định.

d) Lưu trữ hồ sơ hành lang bảo vệ bờ biển, hồ sơ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển; cung cấp tài liệu, số liệu liên quan cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

đ) Định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ theo quy định.

2. Các Sở, ban, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Quy định này.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã có hành lang bảo vệ bờ biển được thiết lập

1. Tổ chức thực hiện văn bản pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển; tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn;

2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên chưa khai thác, sử dụng trong hành lang bảo vệ bờ biển theo quy định của pháp luật;

3. Tham gia xây dựng và phối hợp thực hiện việc cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn;

4. Quản lý, bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển; chịu trách nhiệm khi để xảy ra hiện tượng lấn chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn;

5. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn. Xử lý theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xử lý các hành vi vi phạm pháp luật quản lý hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn theo quy định.

6. Định kỳ hàng năm báo cáo về công tác quản lý hành lang bảo vệ bờ biển của địa phương mình về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo để theo dõi, tổng hợp.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có hành lang bảo vệ bờ biển được thiết lập

1. Tổ chức thực hiện văn bản pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển; tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển;

2. Phối hợp thực hiện việc cắm mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn;

3. Bảo vệ mốc giới hành lang bảo vệ bờ biển; chịu trách nhiệm khi để xảy ra hiện tượng lấn chiếm, sử dụng trái phép phần đất thuộc phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn;

4. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn. Xử lý theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo UBND cấp huyện xử lý các hành vi vi phạm pháp luật quản lý hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn theo quy định.

5. Định kỳ hàng năm báo cáo về công tác quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển về UBND cấp huyện trước ngày 10 tháng 12 của năm báo cáo để theo dõi, tổng hợp.

Điều 13. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động trong phạm vi hành lang bảo vệ bờ biển phải tuân thủ các quy định của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết

thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Quy định này.

2. Việc khai thác, sử dụng tài nguyên thuộc hành lang bảo vệ bờ biển thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và đảm bảo không có các hoạt động bị nghiêm cấm, các hoạt động bị hạn chế theo Quy định này và quy định pháp luật liên quan.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.